

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST

Ngày: 14/8/2020

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kia và ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2020/TLST-DS ngày 23/3/2020 “Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-DS ngày 07/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 29/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1989; địa chỉ: xxA H, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai (Theo Giấy ủy quyền ngày 18/5/2020 được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 tỉnh Gia Lai; địa chỉ: 35A H, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai). Anh Tr có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 và chị Lê Thị Mỹ L1, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh T vắng mặt, chị L1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Nguyễn Thành Tr trình bày:** Vào ngày 11/10/2019 âm lịch, vợ chồng anh Nguyễn Văn T

và chị Lê Thị Mỹ L1 có mượn của chị Võ Thị L số tiền là 50.000.000đồng, nhưng đến nay mới trả cho chị L được số tiền 40.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 10.000.000đồng. Sau đó, ngày 23/01/2020 âm lịch, chị Lê Thị Mỹ L1 tiếp tục mượn của chị L số tiền là 11.390.000đồng. Chị L đã nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng đến nay anh T và chị L1 vẫn không trả số tiền còn nợ. Vì vậy, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Mỹ L1 phải trả tổng số tiền còn nợ là 21.390.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu anh T và chị L1 cùng trả số tiền 10.000.000đồng, yêu cầu chị L1 phải trả số tiền 11.390.000 đồng.

* Bị đơn chị Lê Thị Mỹ L1 trình bày: Chị L1 thừa nhận có vay và hiện còn nợ chị Võ Thị L tổng số tiền là 21.390.000đồng, theo như các Giấy mượn tiền mà chị L cung cấp cho Tòa án. Trong đó, Giấy mượn tiền đề ngày 11/10/2019 âm lịch là do chị và anh T cùng ký xác nhận nợ, Giấy mượn tiền đề ngày 23/01/2020 âm lịch do chị L1 ký nợ. Chị L1 nhận tự chịu trách nhiệm trả hết nợ cho chị L theo phương án trả dần mỗi tháng 500.000đồng.

* Anh Nguyễn Văn T là chồng của chị L1, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Có đủ chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Mỹ L1 cùng trả số tiền 10.000.000đồng, buộc chị L1 phải trả số tiền 11.390.000 đồng. Về án phí: Anh T và chị L1 phải chịu án phí số tiền là 500.000 đồng, chị L1 phải chịu án phí số tiền là 569.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị L khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 và chị Lê Thị Mỹ L1, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai, yêu cầu anh T và chị L1 phải trả số tiền đã mượn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị L, cùng với việc cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn tiền” đề ngày 11/10/2019 âm lịch, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Mỹ L1 mượn số tiền 50.000.000đồng, đã trả được 40.000.000đồng, còn nợ lại 10.000.000đồng và “Giấy mượn tiền” đề ngày 23/01/2020 âm lịch, chị Lê Thị Mỹ L1 mượn số tiền là 11.390.000đồng. Chị L1 cũng thừa nhận số tiền còn nợ và chữ ký trong các giấy mượn tiền đúng là của chị. Do đó, có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Mỹ L1 còn nợ chị Võ Thị L số tiền 10.000.000đồng theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 11/10/2019 âm lịch. Chị L1 còn nợ chị L số tiền 11.390.000đồng theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 23/01/2020 âm lịch.

[3] Chị L1 nhận tự chịu trách nhiệm trả hết số tiền còn nợ theo phương án trả dần 500.000đồng/tháng, nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận nên không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của chị L1.

[4] Các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng anh T và chị L1 chưa trả, nên chị L khởi kiện là có căn cứ đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Mỹ L1 phải trả cho chị Võ Thị L số tiền còn nợ là 10.000.000đồng, theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 11/10/2019 âm lịch. Buộc chị Lê Thị Mỹ L1 phải trả cho chị Võ Thị L số tiền còn nợ là 11.390.000đồng, theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 23/01/2020 âm lịch. Chị L không yêu cầu trả tiền lãi của số nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Mỹ L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $10.000.000\text{đồng} \times 5\% = 500.000\text{đồng}$; chị Lê Thị Mỹ L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $11.390.000\text{đồng} \times 5\% = 569.500\text{đồng}$. Chị Võ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 235; các Điều 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị L.

- Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Mỹ L1 phải trả cho chị Võ Thị L số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng. Buộc chị Lê Thị Mỹ L1 phải trả cho chị Võ Thị L số tiền còn nợ là 11.390.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Mỹ L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng, chị Lê Thị Mỹ L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 569.500 đồng. Chị Võ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 534.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0004309 ngày 20/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/8/2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đồng Ánh Đông